

Số: 1351 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 783/TTr-TNMT ngày 06/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại số 01 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Việt Nhật” tại xã Hương Lâm và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Việt Nhật

1.2. Chủ dự án: Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang

1.3. Địa điểm hoạt động: Xã Hương Lâm và thị trấn Bắc Lý huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp: 2400110949, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 01/12/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6605824801 chứng nhận lần đầu ngày 13/3/2020 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và điều chỉnh, bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp Việt Nhật, huyện Hiệp Hòa.

- Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và điều chỉnh, bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư của Cụm công nghiệp Việt Nhật, huyện Hiệp Hòa.

- Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Việt Nhật, huyện Hiệp Hòa.

1.4. Mã số thuế: 2400110949.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại xã Hương Lâm và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích khoảng 49,82 ha.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Ngành nghề thu hút đầu tư:

Công nghiệp cơ khí chế tạo (*không có xi mạ*), cơ khí chính xác và các sản phẩm từ kim loại, thiết bị điện, sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, sản phẩm công nghệ cao, máy móc thiết bị xây dựng, chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, thuốc thú y, thiết bị y tế, dược phẩm, thiết bị giáo dục và đồ chơi trẻ em, công nghiệp hỗ trợ và cho thuê kho nhà xưởng. Sản xuất nội thất phụ tùng ô tô, xe gắn máy, xe đạp, sản xuất keo dán công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng gia dụng, văn phòng phẩm, in ấn, mỹ phẩm; sản xuất công nghiệp da, giả da, giày da (*không thuộc da, nhuộm da tươi*) sản xuất công nghiệp bao bì, carton (*không sử dụng bột giấy, không sản xuất bột giấy từ nguyên liệu thô*); sản xuất công nghiệp may mặc (*không có công đoạn giặt tẩy và dệt nhuộm*); vật liệu xây dựng mới công nghệ cao (*không sản xuất vật liệu xây dựng truyền thống như gạch đất nung; không sản xuất bê tông và đúc bê tông*); Sản xuất linh kiện nhựa dùng trong thiết bị điện tử viễn thông (*linh kiện sản phẩm điện tử*), sản xuất khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao (*phục vụ cho công nghiệp công nghệ cao*), sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (*sử dụng dây chuyền công nghệ cao, quy trình sản xuất khép kín, không gây ô nhiễm môi*

trường), sản xuất than, than, đẽm (*không bao gồm công đoạn giặt, nhuộm*), sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất chè, cà phê (*không bao gồm công đoạn sơ chế nguyên liệu thô*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào kênh tiêu Ngõ Khổng, thuộc thôn Hương Cầu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Việt Nhật” tại xã Hương Lâm và xã Bắc Lý (*nay là thị trấn Bắc Lý*), huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang do Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Việt Nhật” tại Xã Hương Lâm và thị trấn Bắc Lý huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 844/QĐ-TNMT ngày 28/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng; UBND huyện Hiệp Hòa, UBND xã Hương Lâm, UBND thị trấn Bắc Lý, Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang và các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Việt Nhật.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm của công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang. Đối với nguồn thải này công ty không xin cấp phép, lý do: nước thải được sử dụng tuần hoàn để đập bụi từ hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm và không xả ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dự án có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Việt Nhật (công suất 1.200 m³/ngày đêm).

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Ngõ Không, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại cửa xả nước thải của dự án đầu nối ra kênh tiêu Ngõ Không, đoạn qua Cụm công nghiệp thuộc thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (Theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X: 2354488, Y:390203.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.200 m³/ngày đêm tương đương khoảng 50 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200m³/ngày đêm được tự chảy ra mương quan trắc tự động, sau đó nước thải thoát ra ống HDPE D300 dài 850m, vào bể xả thải, ra cống BTCT D1500 dài 7,5m, cuối cùng thoát ra kênh tiêu Ngõ Không (đoạn chảy qua thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa).

2.3.2. Chế độ xả thải: Xả nước thải liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1$). Cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
A	THÔNG SỐ QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG LIÊN TỤC				
1	Lưu lượng	-	-		Quan trắc tự động liên tục
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40		
3	pH	-	6 đến 9		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
B	THÔNG SỐ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ				
1	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	27		
3	Asen	mg/l	0,045		
4	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
5	Chì	mg/l	0,09		
6	Cadimi	mg/l	0,045		
7	Crom (VI)	mg/l	0,045		
8	Crom (III)	mg/l	0,18		
9	Đồng	mg/l	1,8		
10	Kẽm	mg/l	2,7		
11	Niken	mg/l	0,18		
12	Mangan	mg/l	0,45		
13	Sắt	mg/l	0,9		
14	Tổng xianua	mg/l	0,063		
15	Tổng phenol	mg/l	0,09		
16	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
17	Sunfua	mg/l	0,18		

18	Florua	mg/l	4,5	03 tháng/lần
19	Tổng nitơ	mg/l	18	
20	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6	
21	Clorua	mg/l	450	
22	Clo dư	mg/l	0,9	
23	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	3000	1 năm/lần
24	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	
25	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27	
26	Tổng PCB	mg/l	0,0027	
27	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
28	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt khu vực trạm trộn bê tông - chỉ sử dụng trong thời gian xây dựng (dự kiến sử dụng đến 15/12/2024 tháo dỡ).

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại khu trạm trộn bê tông trong giai đoạn thi công xây dựng dự án được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn, mỗi bể có thể tích 6,25m³ để xử lý. Sau đó nước thải được dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp, rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Tại Khu nhà điều hành-văn phòng của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang của Cụm công nghiệp:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà điều hành - văn phòng được thu gom về 02 bể tự hoại 3 ngăn, mỗi bể có thể tích 10m³ để xử lý. Sau đó nước thải được đấu nối với hệ thống thu gom nước thải

chung của Cụm công nghiệp Việt Nhật, rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Tại khu nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp:

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại khu nhà vận hành hệ thống xử lý nước thải của cụm công nghiệp được thu gom về 01 bể tự hoại 3 ngăn, bể có thể tích 10m³ để xử lý. Sau đó nước thải được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Việt Nhật, rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Tại khu nhà xưởng cho thuê:

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại khu nhà xưởng cho thuê (08 lô đất cho thuê) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn. Mỗi lô đất cho thuê, xây dựng 02 bể tự hoại 3 ngăn (10m³/bể) để xử lý. Sau đó nước thải được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp Việt Nhật, rồi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất của các đơn vị thuê nhà xưởng: Các đơn vị thuê xưởng tự có trách nhiệm xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó mới được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Tại các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư trong Cụm công nghiệp:

Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư trong CCN Việt Nhật được thu gom và xử lý trong phạm vi dự án, đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Việt Nhật, sau đó nước thải được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày.đêm của CCN Việt Nhật để xử lý đạt 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

* Hệ thống thu gom nước thải chung của CCN Việt Nhật:

Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp trong CCN và nước thải của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang được thu gom vào hệ thống cống HDPE D300, D400 tổng chiều dài khoảng 2.580m, đưa nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm của Cụm công nghiệp Việt Nhật để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp công suất 1.200m³/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sau xử lý sơ bộ (tại các doanh nghiệp thứ cấp và Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang) → Bể gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cột lọc áp lực 1 → Cột lọc áp lực 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A) → Ống thoát nước → Bể xả thải → Công BTCT D1500 → Kênh tiêu Ngõ Không (thuộc thôn Hương Cầu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang).

- Công nghệ xử lý: Công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh AO.

- Công suất thiết kế: 1.200m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất, vật liệu sử dụng	Khối lượng (kg/ngày)
1	PAC	10
2	NaOH	96
3	H ₂ SO ₄	12
4	Polimer	3
5	CH ₃ -OH (98%)	6
6	NaOCl (10%)	38

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200m³/ngày đêm.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Có.

- Kết nối, truyền số liệu: kết nối trực tiếp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang để truyền thông tin dữ liệu quan trắc.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và từng hạng mục công trình. Trong đó, thể hiện rõ các số liệu về mặt kỹ thuật, lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Bố trí công nhân có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý của hệ thống để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra để giám sát thường xuyên lưu lượng nước thải tránh trường hợp gây quá tải hệ thống xử lý và có phương án ứng phó kịp thời.

- Quan trắc, giám sát định kỳ nước thải sau xử lý để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

- Lưu chứa nước thải tạm vào hồ sự cố, đưa phương án khắc phục, đồng thời báo cáo cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Tiếp tục vận hành các modul xử lý nước thải không bị sự cố để đảm bảo hiệu suất xử lý.

- Trường hợp sự cố kỹ thuật cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống thì phải dừng hoạt động của modul bị sự cố để khắc phục sự cố sớm nhất có thể.

- Trường hợp nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp vượt quá công suất trạm xử lý nước thải của CCN, chủ đầu tư sẽ xây dựng thêm hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo khả năng tiếp nhận cũng như xử lý đảm bảo đạt QCVN trước khi xả thải.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của modul xử lý nước thải đó và báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình hệ thống xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa, Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

+ Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không, Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau: Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không; Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không; Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

+ Các sự cố về sinh khối:

++ Sinh khối nổi lên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế

++ Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO, Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiên xử lý hoặc giảm tải hữu cơ,

++ Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng,

++ Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại,

+ Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trong trường hợp toàn bộ hệ thống bị sự cố không thể đưa hệ thống vào vận hành thì sẽ dẫn nước thải từ bể gom về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời nước thải với tổng lượng nước thải có thể lưu chứa khoảng 12.000m³. Như vậy với lưu lượng nước thải tối đa của dự án (Theo công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải là 1.200 m³/ngày.đêm) thì hồ sự cố có thể lưu chứa được trong khoảng 10 ngày. Do đó, trong thời gian tối đa 10 ngày phải khắc phục xong vừa đưa toàn bộ hệ thống vào vận hành. Kết cấu đáy hồ chống thấm bằng màng chống thấm chuyên dụng (HDPE), xung quanh thành hồ được xây bằng bê tông xi măng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Modul số 1 với công suất 400m³/ngày đêm: Từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024.

- Modul số 2 với công suất 400m³/ngày đêm: Từ tháng 9 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025.

- Modul số 3 với công suất 400m³/ngày đêm: Từ tháng 9 năm 2026 đến tháng 12 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Nước thải đầu vào tại bể gom nước thải và đầu ra tại mương quan trắc nước thải của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Modul số 1			
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất			
1.1	Nước thải đầu vào Bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng	- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: Tối thiểu là 15 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 75 ngày. Thời	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).

1.2	Nước thải đầu ra mương quan trắc nước thải	xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/9/2024 - Lần 2: Ngày 30/9/2024 - Lần 3: Ngày 15/10/2024 - Lần 4: Ngày 30/10/2024 - Lần 5: Ngày 15/11/2024	
2 Giai đoạn hoạt động ổn định				
2.1	Nước thải đầu vào Bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/9/2024	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).
2.2	Nước thải đầu ra mương quan trắc nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 ngày/1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/12/2024 - Lần 2: Ngày 21/12/2024 - Lần 3: Ngày 22/12/2024	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).
II Modul số 2				
1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất				
1.1	Nước thải đầu vào Bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng	- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: Tối thiểu là 15 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 75 ngày. Thời	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).

1.2	Nước thải đầu ra mương quan trắc nước thải	xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/9/2025 - Lần 2: Ngày 30/9/2025 - Lần 3: Ngày 15/10/2025 - Lần 4: Ngày 30/10/2025 - Lần 5: Ngày 15/11/2025	
2 Giai đoạn hoạt động ổn định				
2.1	Bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/9/2025	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).
2.2	Mương quan trắc nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 ngày/1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/12/2025 - Lần 2: Ngày 21/12/2025 - Lần 3: Ngày 22/12/2025	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).
III Modul số 3				
1 Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất				
1.1	Nước thải đầu vào bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng	- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: Tối thiểu là 15 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 75 ngày. Thời	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).

1.2	Nước thải đầu ra mương quan trắc nước thải	xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 15/9/2026 - Lần 2: Ngày 30/9/2026 - Lần 3: Ngày 15/10/2026 - Lần 4: Ngày 30/10/2026 - Lần 5: Ngày 15/11/2026	
2 Giai đoạn hoạt động ổn định				
2.1	Nước thải đầu vào Bể gom nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/9/2026	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).
2.2	Nước thải đầu ra mương quan trắc nước thải	Nhiệt độ, Màu, pH, BOD ₅ , COD, chất rắn lơ lửng, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), đồng, kẽm, niken, mangan, sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng nitơ, tổng photpho (tính theo P), clorua, clo dư, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, coliform, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β .	* Giai đoạn vận hành ổn định: Mẫu đơn 1 ngày/1 lần. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 20/12/2026 - Lần 2: Ngày 21/12/2026 - Lần 3: Ngày 22/12/2026	QCVN 40:2011/BTN MT, cột A (Kq = 0,9; Kf = 1).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thoát ra kênh tiêu Ngõ Không, thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào kênh tiêu Ngõ Không, thôn Hương Câu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng

xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Dự án có 01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Việt Nhật.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 01 vị trí khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp, Tọa độ: X: 2354720, Y:390847 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất để giảm tiếng ồn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận

hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Đối với thiết bị vận hành cố định (như máy bơm, máy phát điện dự phòng) được bố trí khu vực riêng.

- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông: Yêu cầu công nhân tắt máy, dẫn bộ đối với xe máy khi ra vào nhà máy. Các phương tiện vận chuyển phải được yêu cầu hạn chế việc bấm còi xe trong khu vực nếu không cần thiết.

- Trồng dải cây xanh trong cụm công nghiệp, vừa tăng cường cảnh quan, vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh và giúp cải thiện môi trường không khí.

- Định kỳ (6 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu tại các bộ phận chuyển động các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Đối với Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	02	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	05	16 01 06
3	Máy biến thế, tụ điện hỏng, thải,	Rắn	500	19 02 01
4	Chất thải y tế sắc nhọn	Rắn	01	13 01 01
5	Bao bì, vỏ thùng đựng hóa chất	Rắn	50	18 01 01
6	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 04
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	262.800	12 06 05
Tổng cộng:			263.428	

- Đối với các đơn vị thứ cấp: Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh được dự báo chi tiết trong các báo cáo của từng đơn vị.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên.

- Đối với công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang:

+ Giai đoạn hoạt động xây dựng dự án có phát sinh chất thải từ hoạt động của trạm trộn bê tông như: Bìa cartong, bao bì xi măng, vữa xi măng, bê tông rơi vãi, bùn thải, cát, đá thải,... với tổng khối lượng phát sinh khoảng 152kg/ngày.

+ Hoạt động của việc quản lý hạ tầng CCN: không phát sinh chất thải

công nghiệp.

- Đối với các đơn vị thứ cấp: Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh được dự báo chi tiết trong các báo cáo của từng đơn vị.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Đối với Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án: phát sinh khoảng: 12,5 kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng,... Khối lượng bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 40kg/ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình quản lý hạ tầng cụm công nghiệp: khoảng: 150kg/ngày. Thành phần chủ yếu là gồm: lá cây, cành cây, vỏ bao bì, giấy, đồ hộp, biển hiệu, bóng điện hỏng, đầu mẫu dây dẫn,...

- Đối với các đơn vị thứ cấp: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được dự báo chi tiết trong các báo cáo của từng đơn vị.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Bố trí 06 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích khoảng 5 lít/thùng, 10 lít/thùng, 20 lít/thùng, 100 lít/thùng để thu gom, lưu chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải nguy hại, thùng có dán mã chất thải nguy hại, được lưu giữ tại kho chất thải nguy hại.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của dự án, công ty bố trí khu vực chứa bùn thải ngay cạnh khu vực đặt máy ép bùn. Bùn sau khi ép được đóng vào bao hoặc túi đựng, đặt cạnh khu vực máy ép bùn.

- Tất cả các thùng/can chứa được dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài thùng chứa theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Kho chứa chất thải nguy hại: diện tích 10m² được bố trí tại khu hạ tầng CCN, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khu vực chứa bùn thải: diện tích: 22m² được bố trí tại khu hạ tầng CCN, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: kho có mái che bằng tôn, nền lát xi măng chống thấm, có tường xây gạch cao khoảng 01m, xung quanh tôn vòm quanh đến mái cao khoảng 2m, có cửa khóa, ngoài cửa có dán biển báo kho chứa chất thải nguy hại, nền được bê tông hóa, có gờ chắn nước tránh tràn đổ chất thải lỏng ra bên ngoài.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực chứa bùn thải: có mái che bằng tôn, nền láng xi măng chống thấm, có tường xây gạch cao khoảng 01m, thưng tôn vòng quanh đến mái cao khoảng 2m, có biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất 03 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Công ty CP xuất nhập khẩu Bắc Giang không bố trí thiết bị chứa, kho chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu vực nhà điều hành, văn phòng: bố trí 05 thùng 5lit bằng nhựa có nắp đậy, tại khu vực nhà ăn: bố trí 1 thùng 120lit bằng nhựa có nắp đậy.

- Tại khu vực nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải: bố trí 01 thùng chứa rác thải 5lit bằng nhựa có nắp đậy.

- Tại khu vực trạm trộn bê tông: bố trí 02 thùng chứa rác thải 5lit bằng nhựa có nắp đậy.

- Tại khu vực vỉa hè công cộng của CCN: bố trí khoảng 20 thùng bằng nhựa, dung tích 120lit/thùng, có nắp đậy.

- Tại khu vực kho chứa chất thải thông thường: bố trí 2 thùng chứa rác thải sinh hoạt 200lit/thùng.

Tại khu vực kho chứa chất thải sinh hoạt: bố trí 2 thùng chứa rác thải sinh hoạt 200lit/thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 65m², được bố trí tại khu hạ tầng CCN, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Thiết kế có mái che bằng tôn, nền láng xi măng chống thấm, có tường xây gạch cao khoảng 01m, thưng tôn vòng quanh đến mái cao khoảng 2m có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn bề phốt, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 năm/lần). Các loại chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hàng ngày và giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại của các doanh nghiệp thứ cấp

Các doanh nghiệp thứ cấp có trách nhiệm thu gom và quản lý chất thải nguy

hại, chất thải thông thường, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị mình. Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của từng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận/cấp phép theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

- Doanh nghiệp thứ cấp khi xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động tại Cụm công nghiệp có trách nhiệm thông báo đến Chủ dự án để có phương án phối hợp, xử lý. Chỉ được tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố. Trong trường hợp không xử lý được chủ dự án cần báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng CCN Việt Nhật” tại xã Hương Lâm và thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại của dự án.
2. San lấp mặt bằng trên diện tích 7% tổng diện tích dự án, xây dựng hệ thống giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy khoảng 12,34% khối lượng công việc, hệ thống thu gom nước mưa 5% khối lượng công việc theo thiết kế.
3. Trồng cây xanh bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định.
4. Hoàn thiện tháo dỡ trạm trộn bê tông xong trước ngày 15/12/2024.
5. Thực hiện chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của cụm công nghiệp, cụ thể như sau:
 - Đối với việc thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh khu vực lán trại tạm được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.200 m³/ngày đêm của cụm công nghiệp để xử lý; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường.
 - + Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, phương tiện máy móc, rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng. Bùn đất, cát tại hố lắng được nạo vét và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
 - + Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng:
 - + Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.
 - + Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường;

lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2-4 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn xây dựng:

+ Thường xuyên thu gom đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng: Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, thu gom về kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 10m² có thùng chứa phân biệt riêng từng loại, dán nhãn và mã, biển cảnh báo, biện pháp thu gom chất thải lỏng và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công, chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

6. Thực hiện các công trình, biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của cơ sở, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra kênh tiêu Ngõ Khổng thuộc thôn Hương Cầu, xã Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa, trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 783/TTr-TNMT ngày 06/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.